

Số: **39** /2022/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **10** tháng **11** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 9 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 125/TTr-KH&ĐT ngày 22 tháng 9 năm 2022, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 47/BC-STP ngày 14 tháng 3 năm 2022 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **21** tháng **11** năm 2022 và thay thế Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.

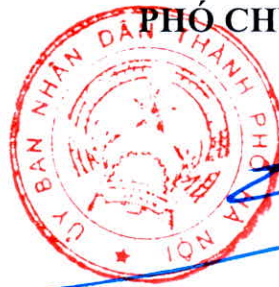
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; các cơ quan Trung ương trên địa bàn Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *đ*

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBMTTQVN Thành phố;
- Liên đoàn Lao động Thành phố;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, TH, KTN, KTTH, KGVX, ĐT, TNMT, NC, (C,H3);
- Trung tâm Tin học - Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, KH&ĐT ^(20b), KTTH ^(N.60) *ka to*

4355C - 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *e*
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là Thành phố) trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có vi phạm về hoạt động kinh doanh, vi phạm về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước thuộc Thành phố, bao gồm: các Sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố);
2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
4. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp,

hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã một cách rộng rãi, không thu phí.

4. Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. Cơ quan chức năng là các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

7. Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phụ thuộc doanh nghiệp.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn Thành phố theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Khắc phục tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn Thành phố.

d) Thúc đẩy sự tham gia giám sát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mọi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra phải luôn tuân theo pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; Đảm bảo mỗi đối tượng được thanh tra, kiểm tra chỉ không quá một lần trong năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra.

4. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính cho đối tượng thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 6. Nội dung thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. “Thông tin đăng ký” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm: tên; mã số; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.



2. “Thông tin về tình trạng hoạt động” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).

3. “Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. “Thông tin về xử lý vi phạm” đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Quyết định thanh tra, kiểm tra; kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai “Thông tin đăng ký” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã đăng ký và hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về đăng ký của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy trình cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố để triển khai cụ thể. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định để yêu cầu doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký theo quy định. Sau khi doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở cấp trên địa bàn Thành phố. Nội dung thông tin công khai gồm:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân;

b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của pháp nhân;

c) Tên mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của pháp nhân đã chấm dứt hoạt động.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cung cấp và công khai thông tin đăng ký các hộ kinh doanh, hợp tác xã do mình cấp trên địa bàn quản lý gồm:

a) Tên hộ kinh doanh/hợp tác xã;

b) Mã số hộ kinh doanh/hợp tác xã;

c) Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh/hợp tác xã;

d) Họ và tên chủ hộ/người đại diện pháp luật của hợp tác xã.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai “Thông tin về tình trạng hoạt động” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh) là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố thông qua Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (www.dangkykinhdoanh.gov.vn) và danh sách doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư (www.hapi.gov.vn), bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh) thường xuyên đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá một (01) năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của Luật Doanh nghiệp gửi thông báo vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp lên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương, các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố khi ban hành các văn bản dưới đây, có trách nhiệm đồng thời gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký trụ sở chính:

a) Các loại giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp;

b) Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, xử lý vi phạm về hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh;

c) Quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh, quyết định chấm dứt việc đình chỉ hoạt động kinh doanh.

d) Văn bản thông báo việc doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin trên, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật vào hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống phần mềm Quản lý doanh nghiệp và hộ cá thể trên địa bàn thành phố Hà Nội và Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký Hợp tác xã.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về “Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm:

a) Chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Thành phố và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

b) Thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành với các thông tin cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

c) Tăng cường trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

2. Trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

a) Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp được nộp đến cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, lưu trữ theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp trong việc kiểm soát báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan hiệp quản cấp huyện

cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn quản lý gửi cơ quan đăng ký kinh doanh Thành phố khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai "Thông tin về xử lý vi phạm" đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối công khai lên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm. Thời gian công khai thông tin cho đến khi doanh nghiệp khắc phục xong hành vi vi phạm. Thông tin công khai gồm: Thông tin quy định tại Điều 7 và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cục Thuế Thành phố có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Các thông tin công khai gồm: Thông tin quy định tại Điều 7 và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn có hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh, đã bị cơ quan có thẩm quyền cấp huyện xử phạt vi phạm hành chính. Các thông tin công khai gồm: Thông tin quy định tại Điều 7 và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý. Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia (<http://dangkykinhdoanh.gov.vn>), Cổng Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<http://dkkdqh.hanoi.gov.vn/>) và Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan chức năng quản lý khác.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý, duy trì và hoàn thiện Hệ thống phần mềm Quản lý doanh nghiệp và hộ cá thể trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm phục vụ việc trao đổi thông tin với cơ quan chức năng có liên quan và công khai thông tin trên Hệ thống.

Chương III

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

- a) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- b) Phối hợp sắp xếp, xử lý chồng chéo, trùng lặp Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- c) Công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
- d) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hàng năm

1. Thanh tra Thành phố là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn Thành phố trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện; theo dõi, tổng hợp Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Thành phố.

2. Các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm phối hợp triển khai xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hàng năm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của mình, các cơ quan phải xác định cụ thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dự kiến thanh tra, kiểm tra;

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan phải gửi Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề của mình cho Thanh tra Thành phố. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được lập có đầy đủ các nội dung quy định theo Biểu số 01/KH-TTKT kèm theo Quy chế này.

3. Thanh tra Thành phố căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác của Thanh tra Chính phủ, tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo Kế hoạch của các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

4. Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã năm sau liền kề của Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và gửi cho Thanh tra Thành phố, các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này.

5. Các cơ quan quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để tránh trùng lặp và gửi cho Thanh tra Thành phố Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

6. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cấp mình để trình Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp sắp xếp, xử lý chồng chéo, trùng lặp Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Chủ động rà soát, đối chiếu Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dự kiến của cơ quan mình với Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương, để kịp thời phát hiện sự trùng lặp về đối tượng thanh tra, kiểm tra đồng thời đề xuất với Thanh tra Thành phố biện pháp phối hợp thực hiện.

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương trên địa bàn thành phố Hà Nội:

a) Rà soát, đối chiếu với Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của thành phố Hà Nội và cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương khác khi xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của mình để tránh trùng lặp về đối tượng. Trường hợp có trùng lặp đối tượng, lập danh sách các cuộc thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp theo Biểu số 02/DS-TTKT kèm theo Quy chế này, gửi cho Thanh tra thành phố Hà Nội chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thông báo cho các cơ quan có trùng lặp về đối tượng biết để phối hợp thực hiện.

b) Gửi Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của mình ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho Thanh tra thành phố Hà Nội và các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương khác đặt tại thành phố Hà Nội.

3. Trách nhiệm của Thanh tra Thành phố:

a) Chủ trì việc rà soát, xử lý chồng chéo trong kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn Thành phố;

b) Chủ động cung cấp thông tin, trao đổi với các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố và Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước về dự kiến Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố; phối hợp xử lý chồng chéo giữa Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố với các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương;

c) Sắp xếp, xác định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đối với các cuộc thanh tra, kiểm tra có trùng lặp về đối tượng.

d) Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố có kế hoạch thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp một hoặc một số đối tượng, đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; gửi văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố đến Thanh tra Thành phố để theo dõi.

4. Trường hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố khi nhận được thông báo, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc yêu cầu làm việc của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước có liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố biết (kèm theo danh sách doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra) để chỉ đạo kịp thời, đồng thời gửi Thanh tra Thành phố để theo dõi và thông báo danh sách các doanh nghiệp được Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra để các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố biết, không tiến hành thanh tra, kiểm tra. Đồng thời kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước.

Điều 15. Thực hiện công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Nội dung công khai:

- a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được phê duyệt;
- b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra điều chỉnh được phê duyệt;
- c) Tình hình thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

2. Hình thức công khai: đăng tải các nội dung công khai trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

3. Thời điểm công khai, cập nhật thông tin:

a) Đối với kế hoạch thanh tra, kiểm tra: Công khai tại thời điểm có quyết định phê duyệt và quyết định điều chỉnh được phê duyệt;

b) Đối với tình hình thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra: Cập nhật và công khai thường xuyên theo Mẫu số 03/CK-TTKT kèm theo Quy chế này.

4. Đối với các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân việc công khai kế hoạch thanh tra, nội dung thanh tra được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 16. Phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật (không quá 01 lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong 01 (một) đợt thanh tra, kiểm tra. Trừ trường hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có các vi phạm/dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng cần thiết tiến hành thanh tra để đánh giá, xem xét nội dung vi phạm và các vấn đề liên quan đến trách nhiệm lãnh đạo, quản lý.

2. Việc triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm đúng theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu thanh tra, kiểm tra không đúng đối tượng, không đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Thủ trưởng cơ quan quyết định phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật.

4. Trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã các cơ quan có trách nhiệm tổ chức khảo sát, nắm tình hình về đối tượng thanh tra, kiểm tra trước khi tiến hành. Trường hợp phát hiện đối tượng đã được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì không tiến hành thanh tra, kiểm tra đồng thời báo cáo bằng văn bản về Thanh tra Thành phố để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử lý.

5. Đối với các cuộc thanh tra hoặc kiểm tra độc lập, các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố giao một cơ quan chủ trì hoặc các cơ quan liên quan thống nhất cử 01 (một) cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ, công chức tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

6. Trường hợp có nhiều cơ quan cùng thanh tra, kiểm tra tại một doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì không báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành (vừa có nội dung thanh tra, vừa có nội dung kiểm tra); việc tổ chức thanh tra, kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Từng cơ quan ban hành Quyết định thanh tra, kiểm tra riêng; việc công bố quyết định thanh tra, kiểm tra được tiến hành vào cùng một thời điểm; cơ quan được Thanh tra Thành phố xác định là cơ quan chủ trì lập biên bản chung, trong đó xác định cụ thể thời gian bắt đầu tiến hành thanh tra, kiểm tra của từng cơ quan, gửi biên bản cho các cơ quan cùng tham gia để lưu hồ sơ;

b) Các cơ quan cùng tiến hành thanh tra, kiểm tra theo đúng thời hạn quy định và trong phạm vi thời hạn của cơ quan có thời hạn thanh tra, kiểm tra dài nhất. Việc thanh tra, kiểm tra phải liên tục, không được ngắt quãng làm kéo dài thời gian, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp;

c) Khi kết thúc thanh tra, kiểm tra, từng cơ quan phải có thông báo kết thúc; kết luận và công khai kết luận thanh tra, kiểm tra theo quy định. Đối với các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân việc công khai kết luận thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu có vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thì các cơ quan có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

8. Thanh tra Thành phố là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của Thành phố; chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Các cơ quan chức năng phải gửi biên bản công bố quyết định thanh tra, kiểm tra; kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra cho Thanh tra Thành phố để tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện công tác.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được công khai theo quy định của pháp luật.

11. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan trực năng trực thuộc triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra đảm bảo nội dung và tiến độ; đảm bảo khi tiến hành thanh tra, kiểm tra phải có quyết định của người có thẩm quyền; không kiểm tra, thanh tra kéo dài; tránh tình trạng kết thúc thanh tra, kiểm tra chậm ban hành kết luận, kết luận không rõ; thực hiện nghiêm túc quy định công khai kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Cổng thông tin điện

tử của các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để phòng ngừa chung và đảm bảo điều kiện nhân dân giám sát hoạt động thanh tra, kiểm tra của nhà nước.

Điều 17. Điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được điều chỉnh khi có sự chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian hoặc khi Thủ trưởng cơ quan chức năng xét thấy cần thiết có chỉ đạo khác nhằm bảo đảm việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hiệu quả.

2. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được điều chỉnh trong tháng 7 hằng năm, theo hướng không làm tăng số cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

3. Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra là người có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt.

4. Việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra phải bằng quyết định; tuân thủ theo văn bản quy định, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và quy định tại Quy chế này.

Chương IV

**PHỐI HỢP XÁC MINH, XỬ LÝ VI PHẠM, THU HỒI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH,
HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

Điều 18. Phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý vi phạm về hoạt động tại địa chỉ đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, cơ quan chức năng các cấp chủ động phát hiện, chấn chỉnh, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở, địa điểm sản xuất kinh doanh vi phạm quy định Luật Nhà ở, Luật Đất đai, trụ sở không có quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp. Đối với vi phạm không thuộc thẩm quyền xử lý thì thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định xử lý, đồng thời thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý theo quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động hoặc phối hợp:

a) Kiểm tra, xác minh hiện diện và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký hoạt động trên địa bàn quản lý theo đề nghị của các cơ quan chức năng. Việc tổ chức kiểm tra, xác minh do Thủ trưởng cơ quan thực hiện kiểm tra quyết định theo quy định như đối với trường hợp kiểm tra đột xuất. Nếu phát hiện có các vi phạm về đăng ký doanh nghiệp như: không gắn biển tên doanh nghiệp, không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, hoạt động kinh doanh không đúng địa chỉ đăng ký,... thì chủ động xử lý, xử phạt và yêu cầu khắc phục vi phạm theo quy định và phân định

thẩm quyền tại Nghị định 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Trường hợp vượt thẩm quyền thì đề nghị người có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý, xử phạt theo quy định pháp luật.

b) Thông báo cho quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý thuế về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vi phạm để phối hợp xử lý theo chức năng quản lý ngành.

Điều 19. Phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng quản lý ngành theo quy định pháp luật chuyên ngành.

Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, các cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đình chỉ hoạt động, xử phạt hành chính, yêu cầu chấp hành đúng quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh theo phân định thẩm quyền Chính phủ quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền thì gửi thông báo và đề nghị người có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định pháp luật. Đồng thời gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý theo chức năng quản lý ngành.

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương, các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố quản lý nhà nước về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, hoạt động, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; Thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh

doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh) có trách nhiệm:

a) Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thông tin về doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc thông tin doanh nghiệp đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chức năng quy định tại khoản 2 Điều này, đồng thời gửi cho cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để theo dõi việc thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng trực thuộc theo dõi, giám sát doanh nghiệp chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chấp hành thực hiện việc tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo thông báo và yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Thành phố;

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát hộ kinh doanh, hợp tác xã chấp hành quyết định xử phạt và chấp hành yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

6. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Đồng thời thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tương ứng, cơ quan chức năng quản lý ngành để xử lý theo quy định.

7. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng phối hợp và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các nội dung quy định tại Điều này.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư) và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định phải bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng.

3. Trường hợp nhận được thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, nếu cần phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xử lý, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn quản lý;

b) Cơ quan quản lý thuế trực tiếp có trách nhiệm xác định doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vi phạm ngừng hoạt động kinh doanh (01 năm đối với doanh nghiệp, quá 06 tháng liên tục đối với hộ kinh doanh) mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế thuộc diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Cơ quan quản lý thuế, cơ quan hải quan có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh.

d) Công an Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ xác minh nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trên địa bàn Thành phố khi có đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các tổ chức, cá nhân khác. Trả lời kết quả xác minh bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

đ) Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý ngành; Xác minh, trả lời cho các tổ chức, cá nhân về bản sao văn bản, giấy tờ do cơ quan mình cấp bị giả mạo để làm cơ sở xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

e) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị cấm thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh tổ chức, đơn vị thuộc diện bị cấm; xác minh lý lịch của người bị cấm.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xử lý và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký trong thời hạn quy định đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có vi phạm bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận đăng ký. Đồng thời gửi quyết định cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm xử lý đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp tục kinh doanh sau khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, đã bị yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo quy định pháp luật.

Chương V

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 21. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn Thành phố

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Công tác trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Kết quả công tác xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định về hoạt động tại trụ sở, về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

d) Kết quả thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vi phạm bị xử lý thu hồi.

đ) Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập

1. Các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm lập Báo cáo của năm liền trước về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và địa bàn quản lý; tình hình thực hiện

phối hợp theo các nội dung quy định tại Quy chế này (theo mẫu Biểu số 04/TH-TTKT kèm theo Quy chế này), để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổng hợp các Báo cáo về tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh) tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của năm trước đó trên địa bàn Thành phố gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo mẫu quy định.

3. Thanh tra Thành phố là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

4. Trước ngày 25 tháng 02 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Thanh tra Thành phố dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 21 Quy chế này, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo yêu cầu và quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chủ động thực hiện công tác số hóa, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của Thành phố vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ cung cấp, trao đổi thông tin doanh nghiệp với các cơ quan chức năng;

b) Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, quy định pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này;

c) Đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn Thành phố theo Quy chế này.

d) Chủ trì quản lý, vận hành Hệ thống phần mềm Quản lý doanh nghiệp và hộ cá thể trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó bao gồm dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký trên địa bàn Thành phố để phục vụ cung cấp, trao đổi thông tin doanh nghiệp với các cơ quan chức năng; sẵn sàng hỗ trợ việc kết nối liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu về thông tin đăng ký doanh nghiệp với các cơ quan chức năng quản lý ngành khi có đề nghị.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng chuyên môn thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan truyền thông, báo chí tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn.

e) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Hệ thống quản lý rủi ro về theo dõi, giám sát hoạt động và chấp hành pháp luật của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, đảm bảo khả năng kết nối liên thông với các hệ thống, cơ sở dữ liệu của các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

2. Thanh tra Thành phố:

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Quy chế này;

b) Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các cơ quan chức năng thuộc Thành phố:

a) Chủ động, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Thành phố cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước vào cơ sở dữ liệu riêng (nếu có) của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo thông tin đầy đủ, thường xuyên, liên tục;

b) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật chuyên ngành;

c) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, giấy phép hoạt động đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc nhiệm vụ và lĩnh vực ngành quản lý;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh; xử lý các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật. Thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý và các nhiệm vụ cụ thể tại Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

e) Chủ động xây dựng Hệ thống quản lý rủi ro về theo dõi, giám sát hoạt động và chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh theo nghiệp vụ của ngành và cơ quan, đơn vị.

4. Công an Thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn Thành phố.

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Phối hợp xác minh theo đề nghị của cơ quan chức năng về nhân thân của: người thành lập doanh nghiệp; người góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và tham gia vào các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố cùng các nhiệm vụ khác nêu trong Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống phần mềm Quản lý doanh nghiệp và hộ cá thể trên địa bàn thành phố Hà Nội; hàng năm báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn quản lý;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan chức năng có liên quan cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi về hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý;

c) Xác minh doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc trên địa bàn quản lý có vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

d) Tuyên truyền, vận động hộ kinh doanh, hợp tác xã tuân thủ, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho các hộ kinh doanh có nhu cầu chuyển đổi thành doanh nghiệp; đẩy mạnh tuyên truyền cho các hộ kinh doanh thấy được những lợi ích, các chính sách hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước khi chuyển đổi thành doanh nghiệp nhằm thực hiện tốt Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quy định pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

e) Chủ động xây dựng Hệ thống quản lý rủi ro về theo dõi, giám sát hoạt động và chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Ủy ban nhân dân Thành phố khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và cá nhân vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ

kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự giác chấp hành quy định của pháp luật; tham gia, đề xuất với các cơ quan nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiêu biểu trên địa bàn Thành phố.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định này được xem xét tuyên dương, khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn Thành phố được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan cùng thời điểm lập dự toán đầu năm.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan căn cứ Quy chế để chủ động thực hiện và phối hợp theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật./.

TÊN ĐƠN VỊ

Biểu số 01/KH-TTKT

KẾ HOẠCH THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP NĂM 202....

TT	Tên, địa chỉ doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra	Mã số doanh nghiệp	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Phạm vi thanh tra, kiểm tra	Thời hạn thanh tra, kiểm tra	Phương thức tiến hành
I	Địa bàn quận/huyện					
1						
2						
...						
II	Địa bàn quận/huyện					
1						
2						
...						

- Ghi chú:** 1. Kế hoạch này phải được ghi đầy đủ thông tin trên biểu mẫu.
2. Thứ tự tên doanh nghiệp được xếp theo chữ cái a, b, c.
3. Phương thức tiến hành gồm: Thanh tra hoặc Kiểm tra.

....., ngày tháng năm 202....

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

0

TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 02/DS-TTKT

**DANH SÁCH CÁC CUỘC THANH TRA, KIỂM TRA
BỊ TRÙNG LẬP ĐỐI TƯỢNG**

TT	Tên doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra theo phê duyệt	Mã số doanh nghiệp	Cơ quan có kế hoạch trùng lập
I	Địa bàn quận/huyện		
1			
2			
...			
II	Địa bàn quận/huyện		
1			
2			
...			

....., ngày tháng năm 202....

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Handwritten red text on the right margin, partially cut off.

TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 03/CK-TTKT

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 202...**

(Tại thời điểm ngày tháng năm 202...)

TT	Tên doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra theo phê duyệt	Mã số doanh nghiệp	Cơ quan thanh tra, kiểm tra		Phương thức tiến hành	Quyết định thanh tra, kiểm tra		Kết luận thanh tra, kiểm tra	
			Chủ trì	Phối hợp		Số	Ngày	Số	Ngày
I	Địa bàn quận/huyện ...								
1	Công ty A								
2	Công ty B (cuộc Thanh tra liên ngành)								
II	Địa bàn quận/huyện ...								
1									
2									
...									

....., ngày tháng năm 202....

THỦ TRƯỞNG



TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 04/TH-TTKT

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP
Đến tháng năm 202...

(Kèm theo Báo cáo số/..... ngày tháng..... năm 202.... của)

TT	Đối tượng thanh tra, kiểm tra (Tên DN, mã số thuế)	Quyết định, văn bản thanh tra, kiểm tra (Số, ngày tháng năm)		Thời gian tiến hành thanh tra, kiểm tra	Văn bản về kết quả thanh tra, kiểm tra (Kết luận, báo cáo, biên bản)	Tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra (Vi phạm, sai phạm)	Kết quả xử lý qua thanh tra, kiểm tra (xử phạt VPHC, thu hồi Giấy CN ĐKKD)	Kiến nghị phối hợp xử lý khác	Ghi chú
		Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch	Thanh tra, kiểm tra đột xuất						

....., ngày tháng năm 202....

THỦ TRƯỞNG



(Handwritten signature)